

GIÁO ÁN NGỮ VĂN LỚP 8 – TUẦN 1

Tiết : 1+2

TÔI ĐI HỌC

-Thanh Tịnh-

A. Mức độ cần đạt : Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích
- Nghệ thuật miêu tả tâm lý trẻ nhỏ ở buổi đầu đến trường trong một VB tự sự

2. Kỹ năng:

- Đọc- hiểu một đoạn trích có yếu tố miêu tả và biểu cảm
- Trình bày những suy nghĩ, tình cảm về một sự việc trong cuộc sống của bản thân

3. Năng lực:

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự quản lí
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực đọc hiểu một văn bản tự sự
- Năng lực tư duy sáng tạo
- Năng lực hợp tác
- Năng lực khoa học
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

4. Phẩm chất

- Biết rung động, cảm xúc với những kỉ niệm thời học trò và biết trân trọng, ghi nhớ những kỉ niệm ấy.
- Tự tin, tự chủ và nghiêm túc với việc học của bản thân

B- Chuẩn bị:

GV: Giáo án, bảng phụ (đèn chiếu), tác phẩm thơ văn và hình ảnh có liên quan

HS : Soạn bài theo câu hỏi trong SGK và sự hướng dẫn của GV

C. Phương pháp : Đàm thoại, thảo luận nhóm, tích hợp, nêu vấn đề, thuyết giảng.

D-.Tiến trình dạy học:

1) **Ổn định lớp:** (1ph)

2) **Kiểm tra bài cũ:** (2ph) Kiểm tra việc chuẩn bị bài và sách vở của HS

3) **Các hoạt động dạy học:**

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (2 ph)

Mục tiêu: Tạo tâm thế

Năng lực: Năng lực khoa học, tự quản bản thân, tư duy sáng tạo, giao tiếp

Hoạt động của thầy

Hoạt động của trò

Nội dung cần đạt

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (70ph)

Mục tiêu: HS nắm được các hiểu biết chung, nội dung và biết tổng hợp kiến thức bài học

Năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự quản bản thân, khoa học, tư duy sáng tạo.

Hoạt động1: HDHS đọc và tìm hiểu chung

GV chuyển giao nhiệm vụ HT:

GV hướng dẫn cách đọc cho HS đọc VB và nhận xét

HS đọc thầm phần chú thích

- Nêu vài nét về tác giả Thanh Tịnh?

-Cho HS q/s chân dung tác giả .

- Hướng dẫn học sinh tìm hiểu từ

HS thực hiện nhiệm vụ HT:

- Học sinh đọc

-Học sinh nghe, rút kinh nghiệm .

- Trả lời

I. Đọc – tìm hiểu chung:

1. Đọc văn bản :

2 Tác giả:

- Thanh Tịnh (1911-1988), tên Trần Văn Ninh.

- Dạy học, viết văn, làm thơ.

- Sáng tác mang đậm chất trữ tình, đậm thắm, trong trẻo.

khó, đặc biệt là từ số 2, 6, 7. - Xét về mặt thể loại văn bản, bài này thuộc thể loại văn bản nào? - Có thể gọi đây là văn bản nhật dụng, văn bản biểu cảm được không? Dựa vào dòng hồi tưởng của nhân vật, tìm bố cục? Nội dung mỗi phần là gì? GV nhận xét, chốt ý	- Học sinh xem và ghi nhớ. - Nhận xét - Trình bày theo cảm nhận cá nhân - Nhận biết PTBD và ngôi kể	3-Tác phẩm - “Tôi đi học” in trong tập "Quê mẹ" - 1941. -Thể loại :Truyện ngắn -PTBD:Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm - Ngôi kể : ngôi thứ 1 - Bố cục : 5 phần
Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản GV chuyển giao nhiệm vụ HT - Gọi học sinh đọc 4 câu đầu Nhớ tự trường của tác giả được khơi nguồn từ thời điểm nào ? Vì sao? + Cuối thu – thời điểm khai trường. + Cảnh thiên nhiên: lá rụng nhiều, mây bàng bạc. +Cảnh sinh hoạt: em bé rụt rè cùng mẹ đến trường. + Vì sự liên tưởng tương đồng, tự nhiên. Tâm trạng của nhân vật tôi khi nhớ lại kỷ niệm cũ như thế nào? Tác giả sử dụng loại từ gì? Phân tích giá trị biểu cảm của 4 từ láy cảm xúc ấy? + nao nức, mơn man, tung bừng, rộn rã. +Cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng -Những cảm xúc đó có trái ngược, khác nhau không? Vì sao? +Không, vì nó nhằm diễn tả cụ thể tâm trạng khi nhớ lại và cảm xúc thực của “tôi”. - Gọi học sinh đọc đoạn 2 . - Tác giả viết “Con đường này... đi học” Tâm trạng thay đổi đó cụ thể như thế nào? Những chi tiết nào trong cử chỉ, hành động, lời nói của “tôi” làm em chú ý? Vì sao? - Nhận xét những từ miêu tả cử chỉ, hành động, lời nói của “tôi”. - Tác dụng của việc sử dụng động từ? + Dùng từ đúng chỗ. + Người đọc hình dung dễ dàng tư thế, cử chỉ ngộ nghĩnh, ngây thơ, đáng yêu. - Giáo viên đọc đoạn văn 3 Cho biết tâm trạng của “tôi”+ - lo sợ, bồn chồn ước ao thăm vụng, chờ vợ,	HS thực hiện nhiệm vụ HT - Học sinh đọc. -Tìm và giải thích - Cảm nhận, phân tích và trình bày - Nhận xét - Học sinh đọc. - TL nhóm - Nhận xét - TLN - quan sát - TL nhóm	II – Đọc-hiểu văn bản: 1 – Nhân vật “tôi”: a) Khơi nguồn kỷ niệm: - Thời điểm: cuối thu → Sự chuyển biến của cảnh vật. - Hình ảnh những em bé ngày đầu tiên đi đến trường. Những hồi tưởng..... - Tâm trạng: nao nức, mơn man, tung bừng, rộn rã. → Từ láy: cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng. b) Khi đi cùng mẹ đến trường: - Thấy lạ. - Cảnh vật đều thay đổi. - Lòng tôi có sự thay đổi lớn. → Trang trọng, đứng đắn. - Cử chỉ, hành động, lời nói: thèm, bặm, ghi, xệch, chúi, muốn,... → Động từ: Ngộ nghĩnh, ngây thơ, đáng yêu → háo hức, hăm hở. c) Khi đến trường: - Lo sợ vắng vợ, vừa bồn chồn, vừa ước ao thăm vụng. - Chờ vợ, vụng về, lúng túng, ngập ngừng, e sợ. → Tả, kể rất tinh tế và hay: Chuyển biến hợp quy luật tâm lý trẻ.

vụng về, lúng túng. Nhận xét cách tả và kể ?+ Tình tế và hay. Vậy ý kiến của em như thế nào về tâm trạng đó của “tôi”+ Sự cảm biến tâm trạng thích hợp quy luật tâm lý trẻ. Tâm trạng nào của “tôi” buồn cười nhất?+ - chờ vợ, vụng về... muốn bước nhanh mà sao toàn thân run, chân co chân duỗi, dềnh dàng. -Gọi học sinh đọc đoạn văn 4? - Khi nghe ông đốc đọc bản danh sách học sinh mới, “tôi” có tâm trạng như thế nào?+lúng túng hơn... - Lúc ấy “tôi” đã làm gì? Vì sao? -Có thể nói: chú bé này tinh thần yếu đuối hay không?+ - Không, vì lạ lòng thấy xa mẹ là một tất yếu. - Gọi học sinh đọc đoạn cuối? - Tâm trạng của “tôi” khi ngồi vào chỗ và đón nhận tiết học đầu tiên như thế nào? -Hình ảnh con chim con ấy có phải đơn thuần chỉ có ý nghĩa thực hay không? Vì sao?+ - Không, như một sự tình cờ mà có dụng ý nghệ thuật, có ý nghĩa tượng trưng - Dòng chữ “tôi đi học” kết thúc truyện có ý nghĩa gì?+ Mở ra một không gian – trung gian, một tâm trạng, một giai đoạn mới trong cuộc đời đứa trẻ. Dòng chữ thực hiện chủ đề truyện - Nhận xét cách kết thúc ấy? - GV nhận xét, chốt ý	- Phát hiện - Đọc - Phát hiện -TL nhóm - Đọc - Phát hiện - Tư duy sáng tạo - Cảm nhận -Nhận xét	d) Khi nghe gọi tên và rời tay mẹ vào lớp: - Lúng túng . nức nở khóc. → miêu tả tinh tế, so sánh hấp dẫn.. e) Khi ngồi vào chỗ và đón nhận tiết học đầu tiên: -Tâm trạng →hồn nhiên trong sáng. - Hình ảnh con chim non: có ý nghĩa thực và dụng ý nghệ thuật, có ý nghĩa tượng trưng.
-Cho biết cảm nhận của em về thái độ, cử chỉ của những người lớn đối với các em bé lần đầu tiên đi học? - Tìm và phân tích các hình ảnh so sánh được tác giả vận dụng trong truyện? -Tác dụng của hình ảnh so sánh ấy đối với tâm trạng nhân vật “tôi”? GV nhận xét, chốt ý	- HS thảo luận và trả lời.	2–Những người lớn: - Phụ huynh: chuẩn bị chu đáo cho con, lo lắng, hồi hộp. - Ông đốc: từ tốn, bao dung, giàu tình thương yêu. → Trách nhiệm, giàu tấm lòng đối với thế hệ tương lai.
Hoạt động 3: Tổng kết bài học - GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Truyện sử dụng nét nghệ thuật đặc sắc nào?	-HS thực hiện nhiệm vụ HT HS thảo luận và trả lời	III/Tổng kết 1/ Nghệ thuật : - Giọng điệu trữ tình trong sáng.Miêu tả tinh tế, chân thực diễn biến tâm trạng NV .

-Nêu ý nghĩa của VB? GV nhận xét, chốt ý	- Trình bày	- Sử dụng ngôn ngữ giàu yếu tố biểu cảm, hình ảnh SS độc đáo. 2/ Ý nghĩa : Buổi tựu trường đầu tiên sẽ mãi không thể nào quên trong ký ức của tác giả.
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (5 ph) Mục tiêu: Kiểm tra và củng cố kiến thức học sinh vừa mới hình thành Năng lực: Hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + Phát biểu cảm nghĩ của em về dòng cảm xúc của nhân vật " tôi" trong truyện ngắn " Tôi đi học" + Văn bản có sự kết hợp của các loại văn bản nào? + Vai trò của thiên nhiên trong truyện ngắn? GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT HS thảo luận và trình bày	
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 ph) Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức được học vào giải quyết vấn đề trong thực tiễn, phát huy năng lực cá nhân. Năng lực: Hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + Viết đoạn văn ghi lại ấn tượng của em trong buổi đầu đến trường GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT HS thảo luận và trình bày	
HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (3 ph) Mục tiêu: Giao cho HS những nhiệm vụ nhằm bổ sung kiến thức Năng lực: Giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, khoa học, tư duy sáng tạo, quản lí		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + Cảm nhận sự giống và khác về không khí ngày khai trường xưa và nay + Các tranh ảnh và bài viết liên quan đến nội dung về ngày Khai trường đầu tiên GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT HS thảo luận và trình bày	

4. Dặn dò: (2ph) -Học bài, làm bài tập.

- Chuẩn bị “Trong lòng mẹ”
- Soạn theo câu hỏi SGK, HD của GV và vẽ tranh minh họa

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

.....

.

Tiết : 3

CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ

-Tự học có hướng dẫn-A/.**Mức độ cần đạt:** Giúp học sinh

1/ Kiến thức: - Hiểu rõ cấp độ khái quát về nghĩa của từ ngữ

2/ Kỹ năng : - Thực hành so sánh cấp độ khái quát về nghĩa của từ ngữ

3/ Năng lực:

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự quản lí
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực thực hành
- Năng lực tư duy sáng tạo
- Năng lực hợp tác
- Năng lực khoa học

3/: Phẩm chất

- Tự tin, chủ động với việc tìm tòi KT

B/ Chuẩn bị : GV Giáo án, phương tiện dạy học (sơ đồ) .

HS : Chuẩn bị bài theo hướng dẫn ở SGK và của GV

C/PP: - Đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành

D/.Tiến trình dạy học :

1) Ổn định lớp: (1 ph)

2) Kiểm tra bài cũ: (2ph) Kiểm tra vở soạn bài của HS

3) Các hoạt động dạy học:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (2 ph)

Mục tiêu: Tạo tâm thế

Năng lực: Năng lực khoa học, tự quản bản thân, tư duy sáng tạo

Hoạt động của thầy

Hoạt động của trò

Nội dung cần đạt

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 ph)

Mục tiêu: Biết về từ ngữ nghĩa rộng và từ ngữ nghĩa hẹp

Năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự quản bản thân, khoa học, tư duy sáng tạo.

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên cho học sinh quan sát sơ đồ ở bảng phụ và hệ thống câu hỏi.

- Nghĩa của từ động vật rộng hay hẹp hơn nghĩa của các từ: thú, chim, cá? Vì sao?

- Nghĩa của từ thú rộng hay hẹp hơn nghĩa của các từ Voi, Hươu.

- Nghĩa của từ Chim rộng hay hẹp hơn nghĩa của từ Tu Hú, Sáo?

- Nghĩa của từ Cá rộng hay hẹp hơn nghĩa của từ Cá Rô, Cá Thu? Vì sao?

- Nghĩa của từ thú, chim, cá rộng hơn nghĩa của những từ nào, đồng thời hẹp hơn nghĩa của từ nào?

- HS thực hiện nhiệm vụ HT

Học sinh quan sát thảo luận và trả lời

- rộng hơn. Vì động vật là nói chung, còn thú chim, cá là nói riêng từng loài nhỏ.

- Rộng hơn.

- Rộng hơn.

- Rộng hơn.

- Rộng hơn từ Voi, Hươu, Tu Hú, cá Rô,...nhưng hẹp hơn nghĩa của từ động vật.

I Từ ngữ nghĩa rộng, từ ngữ nghĩa hẹp:

Nghĩa của một từ ngữ có thể

- Vậy nghĩa của một từ có thể là gì? - GV nhận xét, chốt ý	- Rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của từ ngữ khác.	rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của từ ngữ khác.
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên đưa ra sơ đồ vòng tròn từ sơ đồ ở SGK để học sinh thấy được mối quan hệ bao hàm. - Từ sơ đồ vòng tròn đó, em cho biết: + Một từ ngữ được coi là nghĩa rộng khi nào? Ví dụ? + Một từ ngữ được coi là nghĩa hẹp khi nào? Ví dụ? + Một từ ngữ có nghĩa rộng, đồng thời là nghĩa hẹp khi nào? - Cho ví dụ GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT - Học sinh quan sát sơ đồ vòng tròn. - HS thảo luận và trả lời. - Phạm vi nghĩa của nó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác	1 – Từ ngữ nghĩa rộng: (SGK) ví dụ: xe 2 – Từ ngữ nghĩa hẹp: (SGK) ví dụ: xe máy, xe ô tô, xe xích lô...
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (15 ph) Mục tiêu: Kiểm tra và củng cố kiến thức học sinh vừa mới hình thành Năng lực: Hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <u>Bài 1</u> - Y phục: quần (quần đùi, quần dài); áo (áo dài, áo sơ mi) - Vũ khí: súng (súng trường, đại bác); bom (bà càng, bom bi) <u>Bài 2:</u> a) chất đốt; b) nghệ thuật; c) thức ăn; d) nhìn; e) đánh <u>Bài 3:</u> a) xe cộ: xe đạp, xe máy, xe hơi... b) kim loại: sắt, đồng, nhôm... c) hoa quả: chanh, cam, xoài, chuối... d) họ hàng: họ nội, họ ngoại, bác, chú, cô, dì... e) mang: xách, gánh, khiêng... <u>Bài 4:</u> a) thuốc lá; b) thủ quỹ; c) bút điện; d) hoa tai <u>Bài 5:</u> -Động từ có nghĩa rộng: Khóc Động từ có nghĩa hẹp: nức nở, sụt sùi		
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 ph) Mục tiêu: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức được học vào giải quyết vấn đề trong thực tiễn, phát huy năng lực cá nhân. Năng lực: Hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS viết đoạn văn có từ ngữ nghĩa hẹp và nghĩa rộng - Cho BT nhanh để HS QVĐ GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT - Làm việc theo nhóm và trình bày	
HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG(4 ph) Mục tiêu: Giao cho HS những nhiệm vụ nhằm bổ sung kiến thức		

Năng lực: Giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, khoa học, tư duy sáng tạo, quản lí		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Tìm các từ nghĩa rộng và nghĩa hẹp - Vẽ sơ đồ thể hiện MQH đó GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT - Làm theo nhóm và trình bày	

4/ Dặn dò: (1 ph)- Học bài

- Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng từ ngữ nghĩa rộng, hẹp và ghi ra từ ngữ đó
- Chuẩn bị “Trường từ vựng” theo câu hỏi SGK

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

.....

TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

A/.Mức độ cần đạt: Giúp học sinh

1/ Kiến thức: - Chủ đề VB và những thể hiện của chủ đề trong một VB

2/ Kỹ năng : - Đọc- hiểu và có kỹ năng bao quát toàn bộ VB.

- Trình bày một VB (nói, viết) thống nhất về chủ đề.

3/ Năng lực:

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự quản lí
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực thực hành
- Năng lực tư duy sáng tạo
- Năng lực hợp tác
- Năng lực khoa học
- Năng lực trình bày

4/ Phẩm chất:

- Có ý thức xác định chủ đề và tính thống nhất khi xác định chủ đề vb
- Chủ động trước vấn đề đặt ra, tự tin giải quyết vấn đề đó.

B/ Chuẩn bị : GV Giáo án , bảng phụ (đèn chiếu) .

HS : Chuẩn bị bài theo hướng dẫn ở SGK và của GV.

C/ PP: - Đàm thoại, thảo luận nhóm, tích hợp, thực hành.

- **KNS:**Giao tiếp, Suy nghĩ sáng tạo(xác định chủ đề vb)

D/.Tiến trình dạy học :

1) Ổn định lớp: (1ph)

2) Kiểm tra bài cũ: (2ph) Kiểm tra vở soạn bài của HS

3) Các hoạt động dạy học:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (2 ph)

Mục tiêu: Tạo tâm thế

Năng lực: Năng lực khoa học, tự quản bản thân, tư duy sáng tạo

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
--------------------	-------------------	------------------

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (18 ph)

Mục tiêu: Biết được chủ đề văn bản và tính thống nhất về chủ đề văn bản

Năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự quản bản thân, khoa học, tư duy sáng tạo.

Hoạt động 1: – Chủ đề của văn bản: (8ph)

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc văn bản “tôi đi học” và nêu câu hỏi thảo luận:

+ Văn bản miêu tả những sự việc đang xảy ra (hiện tại) hay đã xảy ra (hồi tưởng, kỷ niệm)? Đó là kỷ niệm nào?.

+ Tác giả viết văn bản này nhằm mục đích gì?

- Giáo viên gọi đại diện nhóm lần lượt trả lời câu hỏi trên.

- Nội dung các em tìm hiểu chính là

- HS thực hiện nhiệm vụ HT

- Đọc VB

-TL nhóm, tích hợp

- Trình bày

- Học sinh trả lời khái niệm.

I – Chủ đề của văn bản:

Chủ đề là đối tượng, là vấn đề chính mà văn bản biểu đạt.

chủ đề của văn bản. vậy chủ đề của văn bản đó là gì? -Vậy chủ đề của văn bản là gì? GV nhận xét, chốt ý		
Hoạt động 2: – Tính thống nhất về chủ đề của văn bản: (10ph) - GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đề biết được văn bản “Tôi đi học” nói lên những kỷ niệm, tác giả đã bộc lộ ở những nội dung gì?+ Nhan đề, từ ngữ, các câu văn. - Đề tái hiện những kỷ niệm về ngày đầu tiên đi học, tác giả đặt nhan đề, văn bản, sử dụng từ ngữ, câu văn nào? - Để tô đậm cảm giác ngỡ ngàng, tâm trạng hồi hộp của nhân vật tôi trong buổi tựu trường ấy, tác giả sử dụng các từ ngữ, chi tiết nghệ thuật nào? - Từ sự phân tích trên cho biết: + Chủ đề của văn bản là gì? + Thế nào là tính thống nhất về chủ đề văn bản? + Tính thống nhất về chủ đề được thể hiện ở những phương diện nào trong văn bản? + Làm thế nào để viết một văn bản bảo đảm tính thống nhất về chủ đề? GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS thảo luận và trả lời - Tích hợp - Học sinh trả lời theo SGK.	II – Tính thống nhất về chủ đề của văn bản: - Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi chỉ biểu đạt chủ đề đã xác định, không rời hay lạc sang chủ đề khác. - Để viết hoặc hiểu một văn bản, cần xác định chủ đề được thể hiện ở nhan đề, đề mục, trong quan hệ giữa các phần của văn bản và các từ ngữ then chốt thường lặp đi lặp lại.
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (15 ph) Mục tiêu: Kiểm tra và củng cố kiến thức học sinh vừa mới hình thành Năng lực: Hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Bài 1: - Nhan đề văn bản: Rừng cọ quê tôi. - Các đoạn: giới thiệu Rừng cọ, tả cây cọ, tác dụng của cây cọ, tình cảm gắn bó với cây cọ. - Trật tự sắp xếp ấy không nên thay đổi. Vì nó đã hợp lý. - Câu trực tiếp nói về tình cảm giữa người dân sơn lâm Thao với rừng cọ: <i>Dù ai đi ngược về xuôi</i> <i>Cơm nắm lá cọ là người sông Thao.</i> Bài 2: Ý b và d sẽ làm cho bài viết lạc đề. Bài 3: Nên bỏ câu c, h, viết lại câu b: Con đường quen thuộc mọi ngày dường như bỗng trở nên mới lạ. GV nhận xét, chốt ý		
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4 ph) Mục tiêu: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức được học vào giải quyết vấn đề trong thực tiễn, phát huy năng lực cá nhân. Năng lực: Hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học	- HS thực hiện nhiệm vụ	

tập - Viết đoạn văn đảm bảo chủ đề văn bản GV nhận xét, chốt ý	vụ HT - HS thảo luận viết và trình bày	
HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (2 ph) Mục tiêu: Giao cho HS những nhiệm vụ nhằm bổ sung kiến thức Năng lực: Giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, khoa học, tư duy sáng tạo, quản lí		
- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS GT các đoạn văn hoặc văn bản đã sưu tầm có sự thống nhất về chủ đề GV nhận xét, chốt ý	- HS thực hiện nhiệm vụ HT - HS thảo luận và trình bày	

4/ Dặn dò: (1ph)

- Học bài.Chuẩn bị bài“Bố cục của văn bản”
- Viết đoạn văn nói lên cảm xúc của mình khi buổi đầu tiên vào học lớp 8.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

.....

.